TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-PT
Ngày: 03 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến

Ông Nguyễn Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Luyến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 02 và ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15/2022/QĐ-PT ngày 25/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T M - sinh năm 1954; cư trú tại thôn V Tr, xã B Th, huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Lê Q T - sinh năm 1978 và bà Vũ Thị V L - sinh năm 1981; cư trú tại tổ dân phố 1, thị trấn C Ô, huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Thị V L*: Bà Phạm Thị K Ph – Luật sư của Văn phòng Luật sư K Ph thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ số 55 đường Trương Quang Trọng, phường L H Ph, thành phố Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà T Th Tr - sinh năm 1957; cư trú tại thôn V Tr, xã B Th, huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Ông T Ng Tr - sinh năm 1965.

HKTT: Số 123/36 đường Trần Hưng Đạo, phường A Ph, quận N K, thành phố C Th.

Địa chỉ hiện nay: Số 28, đường số 26, xã B H, huyện B Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Nguyễn Thị Ph M - sinh năm 1965.

HKTT: Số 411 đường Âu Cơ, phường P Tr, quận T Ph, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: Số 15/5A đường Lý Thường Kiệt, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nguyễn T M, bà T Th Tr, bà Vũ Thị V L, Luật sư Phạm Thị K Ph có mặt; bà Nguyễn Thị Ph M có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông T Ng Tr vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn T M trình bày:*

Vợ chồng ông (vợ là bà T Th Tr) với ông Lê Q T, bà Vũ Thị V L có quen biết nhau. Khi ông T, bà L cần tiền làm ăn (góp vốn cùng ông T Ng Tr, bà Nguyễn Thị Ph M mua tàu hút cát để phục vụ công trình của Công ty Thép Hòa Phát Dung Quất) thì có hỏi vay vợ chồng ông số tiền 1.250.000.000 đồng vào ngày 03/02/2018, với mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng. Bà L, ông T có viết Giấy vay tiền, có chữ ký của bà L, ông T và ông; ông T, bà L nhận tiền mặt tại nhà của vợ chồng ông; mục đích vay tiền là mua tàu hút cát; thời hạn vay là 01 tháng, kể từ ngày 03/02/2018 đến ngày 03/3/2018. Ông T, bà L cam kết sẽ thanh toán nợ gốc và nợ lãi đúng như thỏa thuận, nếu sai sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và sẵn sàng phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu của bên vay để thanh toán cho bên cho vay. Tuy nhiên, từ ngày vay tiền đến nay, ông Toàn và bà Lê không liên lạc, cũng không trả tiền nợ gốc và nợ lãi như thỏa thuận cho ông.

Giấy vay tiền chỉ có một mình ông ký, nhưng số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông. Bà Trong biết việc cho vay tiền nhưng không tham gia mà giao cho ông đứng ra giao dịch.

Nay, ông yêu cầu ông T, bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông và bà Tr tiền nợ gốc là 1.250.000.000 đồng và tiền nợ lãi với mức lãi suất 10,4%/năm (0,86%/tháng) tính từ ngày 04/3/2018 (ngày đầu tiên quá hạn trả nợ) đến 26/3/2019 (tạm tính) là 12 tháng 22 ngày, thành tiền là 136.883.000 đồng (làm tròn), [(1.250.000.000 đồng x 0,86%) x 12 tháng 22 ngày], tổng cộng là 1.386.883.000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 26/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông T, bà L cho rằng ông, bà không nhận tiền, không sử dụng tiền vay là không đúng vì ông T, bà L vay tiền, ký Giấy vay tiền thì phải có nghĩa vụ trả nợ,

còn việc ông T, bà L vay tiền để giao cho ai, sử dụng vào việc gì thì đó là việc của ông T, bà L. Ngoài ra, ông T và bà L còn cho rằng ông Tru, bà M đã cam kết trả thay số tiền vay cho ông thì đây là thỏa thuận giữa ông T, bà L với ông Tru, bà M; ông không biết, không tham gia, không xác nhận nội dung thỏa thuận, nên ông không đồng ý.

** Tại bản tự khai ngày 12/4/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Vũ Thị V L và ông Lê Q T cùng trình bày:*

Ông, bà và con của ông Nguyễn T M, bà T Th Tr là anh Nguyễn Th L có quan hệ quen biết do cùng cung cấp dầu cho Công ty Đại Trường Hưng do ông T Ng Tr là người đại diện theo pháp luật và góp vốn làm công trình nạo vét cát tại Công ty Thép Hòa Phát Dung Quất. Trong quá trình nạo vét cát tại Dung Quất, do chủ đầu tư hối thúc tiến độ nên vào năm 2018, ông Tr và bà Nguyễn Thị Ph M có đặt vấn đề góp vốn mua tàu hút cát phục vụ công trình của Công ty Thép Hòa Phát Dung Quất. Lúc này, ông Tr và bà M có đề nghị ông, bà và ông M, bà Tr góp tiền mua tàu hút cát để làm Dự án, phân chia lợi nhuận. Ông, bà nói không có tiền nên ông M, bà Tr đặt vấn đề cho ông, bà vay tiền nhưng ông, bà không tham gia vì không có tiền trả. Lúc này, bà M nói ông, bà đứng ra vay tiền, trong thời gian một tháng bà M sẽ bán nhà, hoàn trả lại toàn bộ tiền mua tàu và chịu trách nhiệm trả nợ thay cho ông, bà; khi đó, ông Mvà bà Trong cũng đồng ý.

Vào ngày 03/02/2018, ông bà, ông Tru, bà M đến nhà ông M để hợp thức hóa khoản tiền mua tàu hút cát, ông bà có ký vào Giấy vay tiền ngày 03/02/2018, số tiền vay là 1.250.000.000 đồng. Sau khi ký xong Giấy vay tiền, ông Mđến Sacombank B S rút tiền giao cho ông Tru, bà M nhận để mua tàu hút cát, ông bà không trực tiếp nhận tiền từ ông Minh. Về thời hạn vay, cam kết trả nợ các bên thỏa thuận là 01 tháng, vì ông Tr và bà M đang làm thủ tục bán nhà, trong thời hạn 01 tháng sẽ hoàn trả số tiền vay cho ông M, nên các bên mới thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, nên ông Tr và bà M mới cam kết sau một tháng mà ông, bà không trả thì ông Tru, bà M sẽ trả thay khoản tiền vay cho ông M.

Việc cam kết trả nợ thay có sự chứng kiến, đồng ý của các bên, có chữ ký của ông Tru, bà M. Sau đó, giữa ông M với ông Tru, bà M có viết giấy thỏa thuận, cam kết trả thay số tiền vay (hiện ông M đang giữ). Nội dung thỏa thuận liên quan đến việc ông Tru, bà M giao 02 tàu hút cát có số đăng kiểm V50-05309 và số V50-05309 cấp cùng ngày 14/9/2018 cho ông M. Hiện ông M đã bán 02 tàu hút cát cho người khác. Kể từ khi ông, bà viết Giấy vay tiền đến trước khi khởi kiện, ông M chưa lần nào yêu cầu hay đặt vấn đề với ông, bà về việc hoàn trả cho ông M số tiền đã vay vào ngày 03/02/2018.

Sau khi nhận tiền từ ông M, ông Tr và bà M cũng đã xác nhận với ông, bà về việc ông, bà là người vay tiền nhưng ông Tru, bà M là người nhận tiền, sử dụng mua tàu hút cát và họ cam kết trả nợ cho ông M; có viết giấy cam kết ngày 28/7/2018.

Nay, ông M yêu cầu ông, bà trả số tiền vay vào ngày 03/02/2018 thì ông, bà không đồng ý, vì: Ông, bà chỉ đứng tên và ký Giấy vay tiền, nhưng không nhận và

không sử dụng số tiền vay; người trực tiếp nhận và sử dụng tiền vay là ông Tru, bà M; khi vay tiền, ông Tr và bà M đã cam kết trả nợ thay cho bên vay khi đến hạn; ông Tru, bà M có ký tên trong Giấy vay tiền, có chứng kiến của ông M , bà Tr nhưng ông M, bà Tr không có ý kiến gì. Ông M, bà Tr giữ Giấy vay tiền từ ngày vay đến ngày đi kiện, điều đó có nghĩa ông M, bà Tr đã biết và thừa nhận việc trả nợ thay nên ông, bà không có trách nhiệm phải trả số tiền đã ký trong Giấy vay tiền vào ngày 03/02/2018 cho ông M, mà người phải trả tiền cho ông M là ông Tru, bà M. Đề nghị Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và làm rõ 02 tàu hút cát liên quan đến việc nhận, cấn trừ nợ. Trường hợp không xác định được địa chỉ của ông Tru, bà M; không làm việc để đối chất thì ông, bà đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án với lý do không xác định được địa chỉ của ông Tru, bà M.

** Tại bản tự khai ngày 05/4/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T Th Tr trình bày:*

Bà là vợ của ông Nguyễn T M, bà xác định số tiền mà ông M cho ông Lê Q T, bà Vũ Thị V L vay là tài sản chung của vợ chồng bà, nhưng ông M là người trực tiếp giao dịch, bà có tham gia việc cho vay nhưng không ký tên trong Giấy vay tiền. Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông M. Ngoài ra, bà không bổ sung hay yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ph M và ông T Ng Tr:* Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục tống đạt, ủy thác thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Tr và bà M không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T M.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B S đã xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn T M.

1. Buộc ông Lê Q T, bà Vũ Thị V L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn T M, bà T Th Tr số tiền nợ gốc là 1.250.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 30/11/2020 là 336.237.500 đồng, tổng cộng là 1.601.712.500 đồng.

2. Chi phí tố tụng khác: Ông Lê Q T, bà Vũ Thị V L phải chịu 2.000.000 đồng chi phí trưng cầu giám định. Ông T, bà L đã nộp và chi phí xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 11/12/2020 và ngày 23/12/2020, bị đơn là bà Vũ Thị V L và ông Lê Q T có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B S để làm rõ việc vay nhận tiền, cấn trừ nợ giữa các bên và giải quyết lại vụ việc theo đúng pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định tại các Điều 51, 237, 285, 286, 290, 292, 294, 296, 297, 298, 302, 303, 305, 306 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với các đương sự: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T Ng Tr, bà Nguyễn Thị Ph M không xác định được hiện đang ở đâu.

Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là hợp lệ, nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi. Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 30/11/2020, Tòa án nhân dân huyện B S tuyên án vụ án nêu trên. Ngày 11/12/2020, ông Lê Q T và bà Vũ Thị V L có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T Ng Tr đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; bà Nguyễn Thị Ph M có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo Giấy vay tiền đề ngày 03/02/2018 giữa bên vay là ông Lê Q T và bà Vũ Thị V L với bên cho vay là ông Nguyễn T M (bút lục 31) thể hiện: *Ông T, bà L có vay của ông M số tiền 1.250.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định của Ngân hàng, mục đích vay đưa cho ông Tru, bà M mua tàu hút cát để phục vụ công trình của Công ty Thép Hòa Phát B S tại xã Bình Đông, huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi. Bên vay cam kết sẽ thanh toán nợ gốc và lãi theo đúng nội dung đã thỏa thuận nêu trên. Nếu sai, bên vay hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và sẵn sàng phát mãi tài sản do bên vay làm chủ sở hữu để thanh toán cho bên cho vay.*

Bà L, ông T (do bà L đại diện theo ủy quyền) và ông M đều thừa nhận chữ ký, chữ viết Lê Q T, Vũ Thị V L, Nguyễn T M dưới dòng chữ bên vay và bên cho vay tại trang 1 trong Giấy vay tiền nói trên là của các ông, bà.

Ngoài ra, tại trang 2 trong Giấy vay tiền nói trên còn thể hiện nội dung: *Đến ngày nói trên mà bà Lê không trả cho ông M thì bà Nguyễn Thị Ph M và ông T Ng Tr chịu trách nhiệm trả số tiền 1.250.000.000 đồng cho ông Nguyễn T M.* Dưới nội dung này thể hiện chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị Ph M, T Ng Tr.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà L cho rằng ông, bà chỉ là người ký Giấy vay tiền, còn ông Tr và bà M là người nhận tiền để mua tàu hút cát; việc viết Giấy vay tiền chỉ là hợp thức hóa việc góp tiền mua tàu hút cát trước đó; ông Tru, bà M đã đồng ý trả nợ thay cho ông, bà nên ông, bà không đồng ý trả nợ cho ông M vì đã chuyển giao nghĩa vụ cho ông Tr và bà M, nên ông bà không còn trách nhiệm trả nợ cho ông M.

[2.3] Ông M thì cho rằng ông không ký xác nhận vào việc chuyển giao nghĩa vụ cho ông Tru, bà M trong Giấy vay tiền nói trên, nên không có giá trị pháp lý.

[2.4] Khoản 1 Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về chuyển giao nghĩa vụ như sau: *Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.*

[2.5] Ông M, bà Tr, bà L, ông T đều thừa nhận: Giấy vay tiền được lập tại nhà ông M, do bà L đánh máy. Thời điểm này, có mặt ông M, bà Tr, ông T, bà L, ông Tr và bà M.

[2.6] Tại các Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/4/2019 và ngày 10/3/2020, ông M trình bày: ... *Ông có biết việc ông Tru, bà M cam kết trả nợ trong trường hợp ông T, bà L không trả được, chứng kiến ông Tru, bà M ký vào Giấy vay tiền....*(bút lục 27); ... *ông Tru, bà M ký mặt sau Giấy vay tiền sau khi bên cho vay và bên vay tiền ký mặt trước...* (bút lục 30, trang sau); ... *ông cho bà L, ông T vay thì ông T, bà L phải có trách nhiệm trả nợ và ông T, bà L cũng đã cam kết bán tài sản của mình để trả nợ, ông không nghĩ đến việc trả nợ thay và cũng không quan tâm đến cam kết của ông Tru, bà M* ***vì giữa ông với ông Tru, bà M không có mối quan hệ ràng buộc, ông không biết hoàn cảnh, điều kiện kinh tế của hai người này như thế nào****, việc cam kết trả nợ thay là do bà M, ông Tr tự ký nhưng không có sự đồng ý của vợ chồng ông và vợ chồng ông cũng không xác nhận nội dung này...* (bút lục 29). Tuy nhiên, tại Giấy vay mượn tiền đề ngày 06/5/2018 (bút lục 377, 378) thể hiện: *ông M, bà Tr cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đại Trường Hưng do ông Tru, bà M đại diện vay 3.500.000.000 đồng, cụ thể* ***ngày 30/1/2018*** *vay 2.500.000.000 đồng, ngày 24/3/2018 vay 1.000.000.000 đồng.* Ngoài ra, tại bút lục 379 còn thể hiện: *Ngày 30/1/2018 bà M có nhận của ông M số tiền 1.000.000.000 đồng;* ***ngày 03/2/2018*** *(cùng ngày lập Giấy vay tiền giữa ông M, bà L, ông T), bà M có nhận của ông M*

số tiền 1.500.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M thừa nhận ông có cho ông Tru, bà M vay tiền vào các ngày nói trên, trong đó có ngày 30/01 và ngày 03/02/2018 là trước và cùng ngày với Giấy vay tiền giữa ông M, bà L, ông T. Do đó, việc ông M cho rằng ông không biết hoàn cảnh, điều kiện kinh tế của ông Tru, bà M như trình bày nói trên (bút lục 29), là không chính xác.

[2.7] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông M cho rằng việc ông Tru, bà M tự ý ký vào mặt sau của Giấy vay tiền nói trên, nhưng không được sự đồng ý và ký xác nhận của ông nên không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông M thừa nhận Giấy vay tiền giữa ông, bà L, ông T đề ngày 03/02/2018 chỉ lập 01 bản và do ông giữ. Như nhận định trên, ông M biết và chứng kiến việc ông Tru, bà M ký vào Giấy vay tiền nói trên, nhưng từ khi các bên ký Giấy vay tiền nói trên đến thời điểm ông M khởi kiện ông T, bà L tại Tòa án nhân dân huyện B S, ông M thừa nhận ông không yêu cầu hoặc không gặp ông T, bà L, ông Tru, bà M để thông báo hoặc làm rõ việc ông không đồng ý chuyển giao nghĩa vụ từ ông T, bà L sang cho ông Tru, bà M được thể hiện tại trang 2 của Giấy vay tiền nói trên.

[2.8] Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật (niêm yết các văn bản tố tụng, ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân quận N K, thành phố C Th và Tòa án nhân dân quận T B, Thành phố Hồ Chí Minh lấy lời khai của ông Tr; xác minh địa chỉ của bà M ...), nhưng ông Tru, bà M không có văn bản trình bày ý kiến. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập được một số tài liệu, chứng cứ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi (PC02) và ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân quận 11 và quận B Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại bút lục 426, ông Tr trình bày: *... ông còn mượn bà L nhiều lần với số tiền khoảng hơn 01 tỷ đồng, trong khoảng thời gian đầu năm 2018, số tiền này ông đã nhận nợ bên ông Nguyễn T M, lúc nhận nợ có bà L. Tại thời điểm đó, bà L nợ ông M hơn 01 tỷ, thì ông viết giấy nợ ông M 2,5 tỷ đồng (cộng thêm ông nợ ông M 1,5 tỷ), vì những lý do trên, nên hiện tại ông chỉ còn nợ bà L 01 tỷ...* . Tại bút lục 407, ông M trình bày: *... ngày 30/01/2018, ông Tr và bà M gặp ông nói cho họ vay tiền để mua tàu về hút cát, tính lãi suất là 10,4%/năm. Số tiền vay là 2,5 tỷ. Trong ngày 30/01/2018, ông đưa cho họ số tiền 01 tỷ. Đến ngày 03/02/2018, ông đưa tiếp 1,5 tỷ, tổng cộng là 2,5 tỷ...* . Tại Bản tự khai ngày 05/11/2021 (bút lục 477), bà Mai khai: *... vợ chồng T, L không hề nợ ông Nguyễn T M số tiền 1.200.000.000 đồng để hùn mua tàu nạo vét ... , cho nên việc ông M khởi kiện yêu cầu T, L trả tiền là không đúng ...*

Do phát sinh những tài liệu, chứng cứ mới tại cấp phúc thẩm mà những tài liệu, chứng cứ này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá để xác định có hay không có việc chuyển giao nghĩa vụ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông T, bà L có trách nhiệm trả nợ cho ông M, bà Tr là chưa có cơ sở vững chắc, chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo quy định của pháp luật. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm

giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của ông Toàn và bà L là có cơ sở, được chấp nhận.

[2.9] Về án phí: Bà L, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà L, ông T.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Q T, bà Vũ Thị V L.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị V L, ông Lê Q T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Vũ Thị V L, ông Lê Q T 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0003544 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện B S;
- Chi cục THADS huyện B S;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trịnh Thị Thu Lan